**Thứ Năm ngày 11 tháng 9 năm 2025**

Tiếng Việt – Tiết 9, 10

**BÀI 2: cà, cá**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: **cà, cá**

- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.

- Viết đúng các tiếng **cà, cá** (trên bảng con)

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

Bảng cài, bộ thẻ chữ để HS làm BT 5

- HS: Bảng con, phấn (bút dạ) để HS làm BT6 (tập viết)

Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TG** | | | **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  **15’** | | | **1/Hoạt động mở đầu**  **a. Khởi động** | |  |
| + GV viết lên bảng các chữ a, c và tiếng ca | | - 2 - 3 HS đọc; cả lớp đọc đồng thanh |
| + GV cho học sinh nhận xét | |  |
| **b/** Giới thiệu bài | |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ làm quen với 2 thanh của tiếng Việt là thanh huyền và thanh sắc; học đọc tiếng có thanh huyền, thanh sắc.  + GV ghi từng chữ **cà**, nói: **cá**  + GV ghi chữ **cá**, nói: **cá** | | - Lắng nghe  - 4-5 em, cả lớp : “**cà”**  - Cá nhân, cả lớp : **“cá”** |
|  | | |
| **2/Hoạt động Khám phá** | | |
|  | | | | | **HĐ.1 Dạy tiếng cà** |  | |
| - GV đưa tranh quả cà lên bảng. | - HS quan sát | |
| - Đây là quả gì?  - GV viết lên bảng tiếng **cà**  - GV chỉ tiếng **cà** | - HS : Đây là quả cà.  - HS nhận biết tiếng **cà**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cà** | |
| ***\* Phân tích*** |  | |
| + GV che dấu huyền ở tiếng **cà** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** | |
| - GV chỉ vào chữ **cà,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền  - GV đọc : **cà**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cà** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại | - Cos thêm dấu “gạch ngang” trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : **cà**  - Tiếng **cà** gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a.  - HS cả lớp nhắc lại | |
| ***\* Đánh vần.***  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-huyền-cà***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn. | - HS: Ca- huyền- cà  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-huyền-cà***  - Cả lớp đánh vần: ***ca-huyền-cà.***  - Lắng nghe | |
|  | | | | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cà**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cà** | | **c-a-ca-huyền-cà** | | **C** | **À** | |  | |
| - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-huyền-cà** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-huyền-cà** | |
| **HĐ.2 Dạy tiếng cá** |  | |
| - GV đưa tranh con cá lên bảng. | - HS quan sát | |
| - Đây là con gì?  - GV viết lên bảng tiếng **cá**  - GV chỉ tiếng **cá** | - HS : Đây là con cá  - HS nhận biết tiếng **cá**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cá** | |
| ***\* Phân tích*** |  | |
| + GV che dấu huyền ở tiếng **cá** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS xung phong đọc: **ca** | |
| - GV chỉ vào chữ **cá,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc  - GV đọc : **cá**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cá** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại  - GV: Tiếng **cá** khác tiếng **cà** ở thanh gì? | - Cos thêm dấu trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : **cá**  - Tiếng **cá** gồm có âm **c** và âm **a**. Âm **c** đứng trước, âm **a** đứng sau, dấu sắc đặt trên **a**.  - HS cả lớp nhắc lại  - Tiếng **cá** có thanh sắc, tiếng **cà** có thanh huyền. | |
| ***\* Đánh vần.***  - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng **ca**: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu sắc, ta đánh vần như thế nào?  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***ca-sắc-cá***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cá làm một cho gọn. | - HS: Ca- sắc- cá  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***ca-sắc-cá***  - Cả lớp đánh vần: ***ca-sắc-cá.***  - Lắng nghe | |
| 15’ | | | - GV giới thiệu mô hình tiếng **cá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cá** | | **c-a-ca-sắc-cá** | | **C** | **Á** | |  | |
| - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-a-ca-sắc-cá** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-a-ca-sắc-cá** | |
| **3/Hoạt động Luyện tập** | | |
| ***HĐ1. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh huyền?)*** |  | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 8 (GV giơ sách mở trang 8 cho HS quan sát) rồi nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh huyền; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh huyền. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 8. | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *cò, bò, nhà, thỏ, nho, gà*  - HS lần lượt nói một vài vòng | |
|  | | - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh huyền(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (bà, già, xò,...) | |
| ***HĐ2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh sắc?)*** |  | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 9 (GV giơ sách mở trang 9 cho HS quan sát) rồi vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh sắc. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 9. | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *bé, lá, cú, hổ, bóng, chó*  - HS lần lượt nói một vài vòng | |
| 20’ | - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân | |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh sắc(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (cháo, đá, táo,...) | |
| **HĐ3. Ghép chữ.** |  | |
| - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học: **cà, cá** | - 3-4 HS nhắc lại | |
| - GV cho HS làm bài cá nhân  - GV yêu cầu HS giơ bảng cài- GV kiểm tra | - HS lần lượt ghép tiếng cà, tiếng cá/.  - HS giơ bảng sau mỗi lần cài | |
| - GV nhận xét. |  | |
| **Tiết 2** | | |
| ***HĐ4. Tìm hình ứng với mỗi tiếng (Bài tập 5)*** |  | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì.  - GV gọi 1 HS đọc  - Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ cà, cá, ca dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (vở BT). | - Học sinh theo dõi.  - HS đọc : **cà, cá, ca**  - Theo dõi | |
| *b. Thực hiện yêu cầu.*  - GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc  - GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc.  - GV cho HS làm bài vào vở BT | - HS (cá nhân, tổ, lớp) đọc: **cà, cá, ca**  - HS cả lớp đọc  - Làm bài cá nhân | |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh;  - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình.  - GV cho cả lớp đọc lại kết quả | - HS quan sát và lắng nghe cách làm.  - 2 HS lên thi gắn chữ với hình  + HS chỉ từng chữ, nói kết quả:  Hình 1-ca; Hình 2-cá; Hình 3-cà.  - HS đọc 2 lần | |
| ***5’*** | ***HĐ5 Tập viết (Bảng con – BT 6)*** |  | |
| - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 6 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) : cà, cá | |
| *a. Chuẩn bị.* |  | |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV | |
| *b. Làm mẫu.* |  | |
| - GV viết bảng : cà, cá  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết: | - HS cả lớp đọc  - HS đọc | |
| *\* Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho học sinh viết ***cà, cá*** | - HS viết chữ **cà, cá** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ ***cà, cá*** từ 2-3 lần. | |
| *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS viết đúng đẹp giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét | |
| **\*/Hoạt động củng cố, nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài kể chuyện : Hai con dê  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **cà, cá** trên bảng con | - Lắng nghe | |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**